TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN B - TP. H**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2018/HNGĐ
Ngày: 12/04/2018
V/v: *"Ly hôn"*.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Đức Thưởng**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Văn Trình**.

2. Ông **Phan Văn Vinh**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Hải Phương -** Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, thành phố H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B *tham gia phiên toà: Ông* ***Đỗ Văn Khoa*** **-** Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 04 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện B xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 30/2018/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2018 về việc "*ly hôn"*.Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12 /2017/QĐXX-ST ngày 09 tháng 03 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2017/QĐST- HNGĐ ngày 26 tháng 03 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phùng Thị K, sinh năm 1983;

HKTT: Thôn Chí Phú, xã S, huyện B, thành phố H.

(Chị K có mặt tại phiên tòa)

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Xuân T, sinh năm 1984;

HKTT: Thôn Yên Thịnh, xã S, huyện B, thành phố H.

(Anh T vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn ly hôn và bản tự khai ngày12/01/2018 chị Phùng Thị K khai như sau: Chị và anh Nguyễn Xuân T tự nguyện tìm hiểu và quan hệ với nhau có con chung vào năm 2006. Đến ngày 25/02/2012 thì chị K và anh T mới

đăng ký kết hôn tại UBND xã S, huyện B, thành phố H. Sau khi đăng ký kết hôn xong nhưng không tổ chức lễ cưới, chị K và anh T về ăn ở với nhau ngay. Vợ, chồng sống hạnh phúc được thời gian một năm thì phát sinh mâu thuẫn vợ, chồng. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ, chồng là do anh T thường xuyên uống rượu say về nhà mắng chửi, đánh đập vợ, con và không tập trung làm ăn. Chị K không chịu đựng được nên, chị K đã bỏ vè nhà mẹ đẻ ở từ ngày 27/07/2013, vợ, chồng sống ly thân và cắt đứt mọi quan hệ tình cảm vợ, chồng từ đó cho đến nay. Nay chị K xác định tình cảm vợ, chồng với anh T không còn, chị K yêu cầu được ly hôn với anh T để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Có 01 con chung, cháu Nguyễn Khải A, sinh ngày 12/06/2006. Hiện nay cháu Khải A đang ở với chị K. Giải quyết ly hôn chị K yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Khải A và không yêu cầu anh T cấp dưỡng.

Tài sản riêng: Chị K khai không có.

Tài sản chung: Chị K khai không có.

Công nợ chung: Chị K khai không có.

Anh Nguyễn Xuân T, Tòa án huyện B đã thông báo và gửi giấy triệu tập nhiều lần nhưng anh T không có mặt tại Tòa án. Toà án B đã tiến hành xác minh tại Công an xã S được biết anh T hiện nay không có mặt tại địa phương và chính quyền địa phương chỉ được thông báo là anh T đang làm việc tại Hà Nội và không biết địa chỉ nơi ở cụ thể của anh T, thỉnh thoảng anh T có về nhà một vài ngày rồi lại đi. Toà án tiến hành gặp và xác minh bà Nguyễn Thị T là mẹ đẻ anh T cho biết: Anh T và chị K tự nguyện đến với nhau và cả hai có con chung vào năm 2006 và gia đình không tổ chức lễ cưới. Đến ngày 25/02/2012 thì chị K, anh T đăng ký kết hôn tại UBND xã S, huyện B, thành phố H. Sau khi đăng ký kết hôn thì hai vợ chồng sống tại gia đình nhà bà T. Hai vợ chồng chị K, anh T có cãi nhau không thì bà T không biết. Đến ngày 26/06/2013 thì chị K tự bỏ nhà bà T về nhà bố mẹ đẻ ở và không nói gì cho bà T biết. Chị K bỏ nhà đi từ đó cho đến nay không về nhà bà nữa. Anh T con trai bà cũng không đến đón hay có tác động gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nay bà T được biết chị K có yêu cầu ly hôn với anh T con trai bà T. Con trai bà T có nói với bà T là nhất trí ly hôn với chị K vì hai vợ chồng mâu thuẫn kéo dài muốn chấm dứt quan hệ hôn nhân với chị K để anh T ổn định cuộc sống đi làm ăn. Bà T cho biết anh T và chị K có 01 con chung, cháu Nguyễn Khải A, sinh ngày 12/06/2006. Hiện nay cháu A đang ở với chị K. Theo bà T thì anh T cho biết: Giao cháu Nguyễn Khải A cho chị K nuôi dưỡng cháu A nhưng anh T không cấp dưỡng nuôi con. Do anh T và chị K sống với nhau trong thời gian ngắn nên không có tài sản chung và không có nợ chung gì.

Nay bà T yêu cầu Tòa án huyện B giải quyết ly hôn giữa anh T và chị K theo quy định của pháp luật. Bà T đã nhận đầy đủ các văn bản tố tụng của Tòa án nhân dân huyện B. Sau khi bà T nhận các văn bản tố tụng bà T đều gọi điện thông báo cho anh T biết về các nội dung văn bản tố tụng của Tòa án nhân dân huyện B nhưng anh T đều nói không về Tòa án B và đề nghị Tòa án B cứ giải quyết ly hôn vắng mặt anh T.

Tại phiên toà hôm nay chị Phùng Thị K vẫn giữ nguyên yêu cầu về hôn nhân, con chung. Anh Nguyễn Xuân T vắng mặt.

Đại diện VKSND huyện B có quan điểm về trình tự giải quyết thu thập chứng cứ: Vụ án đ□ợc TAND huyện B tuân thủ đúng và đầy đủ theo đúng trình tự tố tụng dân sự, từ khi nhận đơn, giải quyết đơn, ra thông báo thụ lý, lấy lời khai và ra quyết định xét xử, tống đạt các văn bản tố tụng đều hợp lệ và đều đảm bảo đúng quy trình tố tụng quy định không vi phạm gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đ□ợc thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả xét hỏi tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: Theo kết quả xác minh từ Công an xã S và gia đình anh T cho biết: Hiện nay anh T không có mặt tại địa phương. Về phía chính quyền địa phương chỉ được biết là anh T đang làm việc tại Hà Nội và không biết địa chỉ nơi ở cụ thể của anh T. Thỉnh thoảng anh T có về thăm nhà một vài ngày rồi lại đi. Tòa án nhân dân huyện B đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo qui định của pháp luật như: Giao các văn bản tố tụng cho bà T mẹ đẻ anh T, tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng tại địa phương nhiều lần nhưng đến nay anh T vẫn không có mặt tại phiên tòa. Do vậy Tòa án nhân dân huyện B có đủ căn cứ giải quyết đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn của chị Phùng Thị K vắng mặt anh T theo qui định của pháp luật.

Về hôn nhân: Hôn nhân giữa anh Nguyễn Xuân T và chị Phùng Thị K là hôn nhân hợp pháp, sau khi đăng ký kết hôn hai gia đình không tổ chức lễ cưới, vợ, chồng chung sống với nhau ngay sau đăng ký kết hôn tại nhà anh T. Cuộc sống vợ, chồng sau một năm thì phát sinh mâu thuẫn vợ, chồng. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ, chồng do anh T thường xuyên rượu chè, chửi bới chị K và không quan tâm, không có trách nhiệm với gia đình, mẹ, con chị K, mâu thuẫn vợ, chồng trầm trọng chị K đã bỏ về nhà bố, mẹ đẻ ở từ tháng 12/2013, chị K và anh T cũng cắt đứt mọi quan hệ tình cảm vợ, chồng từ đó đến nay. Thời gian chị K bỏ về nhà bố, mẹ đẻ ở cho đến nay anh T thường xuyên bỏ nhà đi làm ăn thi thoảng mới về nhà nhưng cũng không có quan tâm gì đến mẹ, con chị K. Do vậy Hội đồng xét xử thấy có đủ căn cứ khẳng định mâu thuẫn vợ, chồng giữa anh Nguyễn Xuân T và chị Phùng Thị K trầm trọng kéo dài,

mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó không thể duy trì đời sống chung vợ, chồng giữa anh T và chị K. Do vậy đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Phùng Thị K đối với anh Nguyễn Xuân T. Cho chị Phùng Thị K được ly hôn anh Nguyễn Xuân T là đúng pháp luật.

Về con chung: Chị K và anh T có 01 con chung, cháu Nguyễn Khải A, sinh ngày 12/06/2006, từ trước đến nay chị Phùng Thị K vẫn trực tiếp nuôi cháu Khải A. Do đó nay giải quyết ly hôn tiếp tục giao cháu Nguyễn Khải A cho chị K tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi con chung tròn, đủ 18 tuổi để đảm bảo quyền lợi cho cháu Khải A.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị K không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung. Do đó tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh Tr cho đến chị K yêu cầu, hoặc khi có thay đổi khác.

Về tài sản riêng, tài sản chung, công sức, công nợ chung: Theo chị K khai không có. Xong do anh Nguyễn Xuân T không có mặt tại địa phương và không có mặt tại phiên tòa. Do vậy Hội đồng xét xử chưa xem xét giải quyết.

Chị Phùng Thị K phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, 57, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử: 1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu ly hôn của chị Phùng Thị K đối với anh Nguyễn Xuân T.

2/ Cho chị Phùng Thị K đ□ợc ly hôn anh Nguyễn Xuân T.

3/Con chung: Có 01 con chung, giao cho chị Phùng Thị K được trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Khải A, sinh ngày 12/06/2006 cho đến khi tròn, đủ 18 tuổi hoặc có quyết định thay đổi khác.

Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh T cho đến chị K yêu cầu, hoặc khi có thay đổi khác.

Anh Nguyễn Xuân T có quyền qua lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

4/ Tài sản: Riêng, chung, công sức, công nợ: Chưa giải quyết.

5/Án phí: Chị Phùng Thị K phải chịu 300.000^{đ} *(Ba trăm ngàn đồng)* án phí ly hôn sơ thẩm. Khấu trừ toàn bộ số tiền tạm ứng án phí chị K đã nộp 300.000đ theo

biên lai thu tiền số: 0008258 ngày 10/01/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện B, thành phố H vào khoản án phí ly hôn sơ thẩm chị K phải nộp.

Chị Phùng Thị K đ□ợc quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh Nguyễn Xuân T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày đ□ợc tống đạt hợp lệ bản án.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thị hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- *TANDTP H;*
- *VKS huyện B;*
- *THA huyện B;*
- *Các đương sự.*
- *Lưu hồ sơ*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Đức Thưởng

HỘI THẨM NHÂN DÂN *CHỦ TỌA PHIÊN TÒA*